



Vietnam Auditing
and Valuation
Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN LOUIS CAPITAL
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2022 ĐẾN NGÀY 30/6/2022
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

CÔNG TY CỔ PHẦN LOUIS CAPITAL
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2022 ĐẾN NGÀY 30/6/2022
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT



CÔNG TY CỔ PHẦN LOUIS CAPITAL

Số 07-09, Đường số 07, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông

Thành phố Thủ Đức - Tp Hồ Chí Minh

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	7 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	11 - 12
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	13 - 46

CÔNG TY CỔ PHẦN LOUIS CAPITAL

Số 07-09, Đường số 07, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông

Thành phố Thủ Đức - Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Louis Capital (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022.

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty cổ phần Louis Capital được đổi tên từ Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105787835, đăng ký lần đầu ngày 10/02/2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 02/8/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 07-09, Đường số 07, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, Thành phố Thủ Đức - Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022 được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm từ trang 7 đến trang 46.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

- Ngày 14/7/2022, Công ty đã nhận được các đơn xin từ nhiệm các vị trí Trưởng Ban kiểm soát của Bà Nguyễn Thị Kiều Liên; từ nhiệm vị trí Thành viên Ban kiểm soát của Ông Hồ Lê Hoàng Anh; từ nhiệm vị trí Thành viên Ban kiểm soát của Ông Phạm Minh Vương; từ nhiệm vị trí Trưởng Ban kiểm toán nội bộ của Bà Phạm Thư Thảo.
- Ngày 22/7/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quyết nghị số 21/2022/TGG/HĐQT-NQ thông qua việc bầu Ông Vũ Anh Sinh giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty và miễn nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với Ông Nguyễn Mai Long.
- Ngày 22/7/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quyết nghị số 22/2022/TGG/HĐQT-NQ thông qua việc miễn nhiệm chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với Ông Trịnh Văn Bảo.
- Ngày 22/7/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quyết nghị số 23/2022/TGG/HĐQT-NQ thông qua việc bổ nhiệm Ông Võ Kim Nguyên giữ chức vụ Tổng Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Ngày 02/8/2022, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12.
- Ngày 22/7/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quyết nghị số 24/2022/TGG/HĐQT-NQ thông qua việc bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Trúc Linh giữ chức vụ Kế toán trưởng của Công ty.
- Ngày 27/7/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã nhận được đơn xin từ nhiệm vị trí Thành viên Hội đồng quản trị của Ông Nguyễn Mai Long kể từ ngày 20/7/2022.
- Ngày 27/7/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã nhận được đơn xin từ nhiệm vị trí Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Ông Cao Bá Trung kể từ ngày 21/7/2022.
- Ngày 29/7/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã nhận được đơn xin từ nhiệm vị trí Thành viên Hội đồng quản trị của Ông Ngô Thực Vũ kể từ ngày 28/7/2022.
- Ngày 09/8/2022, Đại hội cổ đông Công ty cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Louis AMC (là Công ty con của Công ty) đã ban hành Nghị quyết số 9/2022/AMC/ĐHĐCĐ-NQ thông qua việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại số 678 Kinh Dương Vương, Khu phố 1, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 30/6/2022 là 78.390.000.000 đồng. Giá chuyển nhượng theo giá trị đã được thẩm định nhưng không thấp hơn giá trị sổ kế toán tại thời điểm bán. Theo đánh giá của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty thì việc bán các tài sản này sẽ không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên vẫn đang thực hiện.
- Ngày 11/8/2022, Công ty đã gửi thông báo số 149/2022/TGG/TB đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Công ty cổ phần Sametel để công bố thông tin thực hiện đăng ký bán toàn bộ 2.800.100 cổ phần mà Công ty đã đầu tư tại Công ty cổ phần Sametel theo phương thức giao dịch thỏa thuận hoặc khớp lệnh trên sàn theo Nghị quyết số 15/2022/TGG/HĐQT-NQ ngày 20/6/2022 của Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOUIS CAPITAL

Số 07-09, Đường số 07, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông

Thành phố Thủ Đức - Tp Hồ Chí Minh

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN (tiếp theo)

- Ngày 12/8/2022, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sametel (là Công ty con của Công ty) đã ban hành Nghị quyết số 57/2022/QĐ-HĐQT thống nhất nhượng bán một số tài sản cố định hữu hình là hệ thống điện năng lượng mặt trời lắp đặt trên mái nhà xưởng với nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 30/6/2022 lần lượt là 27.126.282.859 đồng và 23.550.258.376 đồng. Giá bán tài sản không thấp hơn nguyên giá tài sản. Theo đánh giá của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty thì việc bán các tài sản này sẽ không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, việc nhượng bán tài sản nêu trên vẫn đang thực hiện.

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa có kế hoạch tổ chức đại hội cổ đông bất thường để miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát đã xin từ nhiệm.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không còn sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm/từ nhiệm
Ông Vũ Anh Sinh	Chủ tịch	Bổ nhiệm 22/7/2022	
Ông Nguyễn Mai Long	Chủ tịch		Miễn nhiệm 22/7/2022
Ông Trịnh Văn Bảo	Phó Chủ tịch		Miễn nhiệm 22/7/2022
Ông Trịnh Văn Bảo	Thành viên		Từ nhiệm 26/4/2022
Ông Nguyễn Mai Long	Thành viên		Từ nhiệm 20/7/2022
Ông Cao Bá Trung	Thành viên		Từ nhiệm 21/7/2022
Ông Ngô Thục Vũ	Thành viên		Từ nhiệm 28/7/2022
Ông Vũ Anh Sinh	Thành viên	Bổ nhiệm 15/4/2022	
Ông Phùng Trung Thủy	Thành viên		Miễn nhiệm 15/4/2022

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm/từ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Kiều Liên	Trưởng ban		Từ nhiệm 14/7/2022
Ông Hồ Lê Hoàng Anh	Thành viên		Từ nhiệm 14/7/2022
Ông Phạm Minh Vương	Thành viên		Từ nhiệm 14/7/2022

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm/từ nhiệm
Ông Võ Kim Nguyên	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm 22/7/2022	
Ông Ngô Thục Vũ	Tổng Giám đốc		Miễn nhiệm 18/7/2022
Ông Vũ Anh Sinh	Phó Tổng Giám đốc		Miễn nhiệm 22/7/2022
Bà Nguyễn Thị Trúc Linh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm 22/7/2022	
Bà Phùng Vũ Tú Anh	Kế toán trưởng		Miễn nhiệm 18/7/2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022 của Công ty được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOUIS CAPITAL

Số 07-09, Đường số 07, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông

Thành phố Thủ Đức - Tp Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/6/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Louis Capital
phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày

01/01/2022 đến ngày 30/6/2022 của Công ty

Tp Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2022

T.M/ Hội đồng quản trị

Chủ tịch



Vũ Anh Sinh

Tp Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2022

Tổng Giám đốc

Võ Kim Nguyên

Số: 707/BCKT/TC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần Louis Capital

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần Louis Capital (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26/8/2022, từ trang 7 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2022, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc vấn đề được đề cập tại Thuyết minh số V.23a trong bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong đó mô tả số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ ("Mã số 421") của Công ty tại ngày 01/01/2022 có một phần lợi nhuận đến từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 liên quan đến cổ phiếu của Công ty cổ phần Louis Land (trước đây là Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thu) (mã chứng khoán BII) và một số cổ phiếu khác. Ngày 20/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra (C03) Bộ Công an đã ra quyết định khởi tố vụ án "Thao túng thị trường chứng khoán" xảy ra tại Công ty cổ phần chứng khoán Trí Việt (TVB), Công ty cổ phần Louis Holdings, Công ty cổ phần Louis Capital, Công ty cổ phần Louis Land và các đơn vị liên quan; đồng thời, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã ra quyết định khởi tố bị can, lệnh bắt bị can để tạm giam, lệnh khám xét đối với 04 cá nhân về tội "Thao túng thị trường chứng khoán", trong đó có Ông Đỗ Thành Nhân (Nguyên là thành viên Hội đồng quản trị Công ty). Đến thời điểm phát hành báo cáo này, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định cuối cùng về vụ án nêu trên.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021 đã được soát xét bởi một Công ty kiểm toán khác với báo cáo soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đề ngày 14/8/2021 trình bày kết luận chấp nhận toàn phần.

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa có kế hoạch tổ chức đại hội cổ đông bất thường để miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát đã xin từ nhiệm.

Kết luận kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề này.



BÙI QUANG HỢP

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHNKT số 1796-2019-126-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ

THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			30/6/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		335.701.919.412	530.172.153.919
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	12.770.357.825	11.653.198.114
1. Tiền	111		7.699.898.089	6.006.550.371
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.070.459.736	5.646.647.743
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		20.678.720.000	48.382.496.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	1.480.166.925	46.495.520.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	V.2	(337.766.925)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.3	19.536.320.000	1.886.976.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		168.621.818.667	365.294.953.214
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.4	107.722.503.817	184.960.598.195
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.5	50.277.464.300	89.530.815.249
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.6	2.500.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.7	40.060.963.638	93.956.288.657
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.9	(31.939.113.088)	(3.152.748.887)
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	122.053.369.397	97.907.782.420
1. Hàng tồn kho	141		123.788.454.531	98.100.969.009
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1.735.085.134)	(193.186.589)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.577.653.523	6.933.724.171
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.14	3.808.898.636	1.779.146.516
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.768.738.888	5.154.577.655
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.19	15.999	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

(Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			30/6/2022	01/01/2022
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		405.234.631.656	308.235.152.893
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		8.234.050.743	7.631.196.057
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.7	8.234.050.743	7.631.196.057
II. Tài sản cố định	220		243.260.030.481	134.301.565.508
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	85.642.036.147	70.469.044.675
- Nguyên giá	222		143.815.394.693	133.697.983.142
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(58.173.358.546)	(63.228.938.467)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	15.760.746.154	-
- Nguyên giá	225		17.066.355.316	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(1.305.609.162)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	141.857.248.180	63.832.520.833
- Nguyên giá	228		144.647.688.564	66.257.688.564
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2.790.440.384)	(2.425.167.731)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.13	36.563.130.816	39.098.159.501
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		36.563.130.816	39.098.159.501
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.15	99.384.476.895	98.012.719.015
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		89.384.476.895	86.220.719.015
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		10.000.000.000	11.792.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		17.792.942.721	29.191.512.812
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	13.906.767.230	14.045.115.812
2. Lợi thế thương mại	269	V.16	3.886.175.491	15.146.397.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		740.936.551.068	838.407.306.812

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022
(Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			30/6/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		343.048.151.105	417.790.975.678
I. Nợ ngắn hạn	310		308.601.034.739	395.163.880.044
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17	170.002.293.594	274.582.204.619
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.18	1.420.291.878	18.013.479.531
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.19	234.382.866	12.128.515.664
4. Phải trả người lao động	314		2.003.505.120	3.804.370.091
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	1.735.162.669	531.820.636
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21	5.737.317.791	7.547.046.278
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22	124.269.246.207	75.122.848.611
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.198.834.614	3.433.594.614
II. Nợ dài hạn	330		34.447.116.366	22.627.095.634
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		5.202.706.363	61.843.535
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.21	6.157.800.000	6.153.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22	23.086.610.003	16.412.252.099
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		397.888.399.963	420.616.331.134
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	397.888.399.963	420.616.331.134
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		272.999.900.000	272.999.900.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		272.999.900.000	272.999.900.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.954.394.241	1.954.394.241
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.437.732.736	6.437.732.736
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		33.057.486.607	52.171.315.137
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		51.237.322.090	(38.981.892.988)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(18.179.835.483)	91.153.208.125
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		83.438.886.379	87.052.989.020
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		740.936.551.068	838.407.306.812

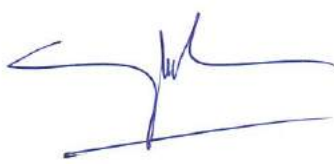
Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Tp Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Võ Kim Nguyên

Nguyễn Thị Trúc Linh

Nguyễn Thị Trúc Linh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	506.993.908.702	17.862.684.724
2. Các khoản giảm trừ	02		3.892.200	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		506.990.016.502	17.862.684.724
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	488.396.070.532	17.466.262.583
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.593.945.970	396.422.141
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	23.368.865.700	174.156.641
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	7.542.678.453	30.438.632
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.404.360.964	30.438.632
8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết	24		3.163.757.880	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	13.176.496.037	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	54.380.528.493	(42.424.817.429)
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(29.973.133.433)	42.964.957.579
12. Thu nhập khác	31	VI.7	304.952.942	27
13. Chi phí khác	32	VI.8	467.837.322	652.222.196
14. Lợi nhuận khác	40		(162.884.380)	(652.222.169)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(30.136.017.813)	42.312.735.410
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	91.913.358	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(30.227.931.171)	42.312.735.410
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(18.179.835.483)	-
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(12.048.095.688)	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(666)	1.550
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	(666)	1.550

Tp Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Thị Trúc Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Trúc Linh

Tổng Giám đốc



Võ Kim Nguyễn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo phương pháp gián tiếp

Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: đồng	
		Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(30.136.017.813)	42.312.735.410
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	7.021.006.845	152.943.336
- Các khoản dự phòng	03	30.666.029.671	(43.160.257.861)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.128.013.078)	378.722.273
- Chi phí lãi vay	06	5.404.360.964	30.438.632
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	11.827.366.589	(285.418.210)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	157.002.376.698	28.668.820.623
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(25.687.485.522)	13.773.964.043
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(89.797.920.149)	3.552.677.884
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	9.368.817.971	177.147.264
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	45.015.353.075	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(4.055.647.336)	(158.061.942)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.464.377.409)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(234.760.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	93.973.723.917	45.729.129.662
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(89.960.240.851)	(45.042.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.208.137.154	1.107.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(34.191.848.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	14.042.504.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(32.500.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.792.000.000	89.572.500.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.171.573.768	95.399
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(138.437.873.929)	45.637.595.399

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo phương pháp gián tiếp

Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022

(Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: đồng	
		Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	7.500.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	227.698.360.657	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(182.786.605.117)	(1.193.708.684)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(6.823.280.317)	-
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.165.500)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>45.581.309.723</i>	<i>(1.193.708.684)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.117.159.711	90.173.016.377
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	11.653.198.114	769.018.622
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	12.770.357.825	90.942.034.999

Tp Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Trúc Linh



Nguyễn Thị Trúc Linh



Võ Kim Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Louis Capital được đổi tên từ Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105787835, đăng ký lần đầu ngày 10/02/2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 02/8/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 07-09, Đường số 07, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, Thành phố Thủ Đức - Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là TGG.

Ngày 31/5/2021, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 306/QĐ-SGDHCM chuyển cổ phiếu TGG từ diện cảnh báo sang diện kiểm soát kể từ ngày 07/6/2021. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vẫn tiếp tục giữ nguyên diện kiểm soát đối với cổ phiếu TGG.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty và các Công ty con tại ngày 30/6/2022 là 125 người (tại ngày 01/01/2022 là 135 người).

2. Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty và các Công ty con trong năm là tư vấn quản lý, cho thuê mặt bằng; Kinh doanh mua bán gạo; Kinh doanh vật liệu điện, viễn thông, năng lượng điện; Kinh doanh mua bán tài sản, và kinh doanh kho vận, logistics.

3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2022, Công ty có 05 Công ty con, 01 Công ty liên kết và 03 Chi nhánh, cụ thể như sau:

Tên doanh nghiệp	Trụ sở chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/6/2022 (đồng)	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty mẹ				
Công ty cổ phần Louis Capital	Tp HCM	100,0%	272.999.900.000	Kinh doanh thương mại, tư vấn quản lý, mua bán doanh nghiệp
Các Công ty con				
Công ty cổ phần Golden Paddy	An Giang	51,0%	65.000.000.000	Kinh doanh gạo
Công ty cổ phần Sametel	Đồng Nai	51,2%	54.674.320.000	Kinh doanh vật liệu điện, viễn thông, năng lượng điện
Công ty cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Louis AMC	Tp HCM	85,6%	111.127.000.000	Mua bán tài sản, mua bán nợ
Công ty TNHH MTV Kho vận Wings Global	Tp HCM	100,0%	2.000.000.000	Kho vận, logistics
Công ty TNHH MTV Thu mua phụ phẩm PBP	Tp HCM	100,0%	1.850.000.000	Kinh doanh mua bán phụ phẩm từ gạo

3. Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

Tên doanh nghiệp	Trụ sở chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/6/2022 (đồng)	Hoạt động kinh doanh chính
<i>Công ty liên kết</i>				
Công ty TNHH Angimex Furious	An Giang	49,0%	100.000.000.000	Mua bán xe gắn máy và phụ tùng, dịch vụ sửa chữa
<i>Các Chi nhánh</i>				
Chi nhánh Hà Nội - Công ty cổ phần Louis Capital	Hà Nội	100,0%		Hoạt động tư vấn quản lý
Chi nhánh Phú Thọ - Công ty cổ phần Louis Capital	Phú Thọ	100,0%		Xây dựng
Chi nhánh Công ty cổ phần Louis Capital - Trang trại Hòa Bình	Hòa Bình	100,0%		Chăn nuôi

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán giữa niên độ của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 30/6 hàng năm.

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và các văn bản pháp lý khác theo qui định của nhà nước.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các Công ty con do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 6. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của các Công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các Công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty đó.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của Công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại hoặc bất lợi thương mại. Lợi thế

thương mại được phân bổ trong 10 năm. Bất lợi thương mại được ghi nhận một lần vào kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán. Định kỳ Công ty đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại các Công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này giữa Công ty mẹ và các Công ty con được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về tài sản, công nợ và việc trình bày các khoản tài sản, công nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh phản ánh tình hình mua, bán và thanh toán các loại chứng khoán theo quy định của pháp luật nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và các văn bản pháp lý sửa đổi, bổ sung khác theo qui định của nhà nước, cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 15
Máy móc thiết bị	2 - 12
Phương tiện vận tải	6 - 14
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 8
Quyền sử dụng đất	38 - 47
Bản quyền, bằng sáng chế	3 - 5
Phần mềm kế toán	3

Nguyên tắc kế toán TSCĐ thuê tài chính

Hợp đồng thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho Công ty. Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định thuê tài chính được trích khấu hao như tài sản cố định hữu hình của Công ty. Đối với tài sản cố định thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ, chi phí lãi vay được vốn hóa và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê mặt bằng, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản. Khoản phải trả bao gồm các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ.

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh) tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, hoặc nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng. Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán. Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập BCTC theo đúng quy định hiện hành.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Giá trị khoản nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê còn phải trả tại thời điểm lập BCTC.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ.

Khi lập BCTC số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty có giao dịch vay, thuê tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0%.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu***Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được phê duyệt bởi các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chậm thanh toán, lãi mua bán chứng khoán kinh doanh, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng, bảng tính lãi chậm thanh toán, lãi khi bán chứng khoán kinh doanh.

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí cho vay và đi vay vốn, các khoản phí giao dịch mua bán chứng khoán kinh doanh và các khoản lỗ do mua bán chứng khoán kinh doanh.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trọng năm hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

20. Công cụ tài chính***Tài sản tài chính***

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tất cả các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

21. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể. Nghiệp vụ với các bên liên quan được Công ty trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Đơn vị tính: đồng	
	30/6/2022	01/01/2022
- Tiền mặt	1.207.335.612	363.841.027
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.492.562.477	5.642.709.344
- Các khoản tương đương tiền	5.070.459.736	5.646.647.743
Cộng	12.770.357.825	11.653.198.114

Các khoản tương đương tiền gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần, lãi suất từ 2,9%/năm đến 3,3%/năm (tại ngày 01/01/2022 từ 2,9%/năm đến 3,3%/năm).

Công ty đã sử dụng các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng với số tiền tại ngày 30/6/2022 là 5.070.459.736 đồng (tại ngày 01/01/2022 là 5.646.647.743 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng (Xem thuyết minh số V.22).

2. Chứng khoán kinh doanh	30/6/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Công ty cổ phần Dược Lâm Đồng (LDP)	-	-	-	46.495.520.000	48.750.000.000	-
- Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang (AGM)	1.480.166.925	1.142.400.000	(337.766.925)	-	-	-
Cộng	1.480.166.925	1.142.400.000	(337.766.925)	46.495.520.000	48.750.000.000	-

Số lượng cổ phiếu của Công ty cổ phần Dược Lâm Đồng Công ty sở hữu tại ngày 31/12/2021 là 1.300.000 cổ phiếu, giá đóng cửa ngày 31/12/2021 là 37.500 đồng/cổ phiếu. Ngày 16/3/2022, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 1.300.000 cổ phần Công ty đang sở hữu tại Công ty cổ phần Dược Lâm Đồng cho Công ty cổ phần Louis Holdings theo phương thức thỏa thuận với giá là 53.000 đồng/cổ phiếu.

Số lượng cổ phiếu của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang Công ty sở hữu tại ngày 30/6/2022 là 42.000 cổ phiếu, giá đóng cửa ngày 30/6/2022 là 27.200 đồng/cổ phiếu.

3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	30/6/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	19.536.320.000	19.536.320.000	1.886.976.000	1.886.976.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	19.536.320.000	19.536.320.000	1.886.976.000	1.886.976.000
Cộng	19.536.320.000	19.536.320.000	1.886.976.000	1.886.976.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 4 tháng đến 7 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần, lãi suất từ 3,1%/năm đến 4,3%/năm (tại ngày 01/01/2022 từ 3,1%/năm đến 3,9%/năm).

Công ty đã sử dụng các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với số tiền tại ngày 30/6/2022 là 19.536.320.000 đồng (tại ngày 01/01/2022 là 1.886.976.000 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng (Xem thuyết minh số V.22).

	30/6/2022	01/01/2022
4. Phải thu khách hàng		
<i>a) Phải thu khách hàng là bên thứ ba</i>	76.883.830.860	147.685.602.886
- Công ty TNHH TM DV XNK Gia Thành	11.272.000.000	11.272.000.000
- Công ty TNHH TM Trọng Thị	5.448.010.000	5.448.010.000
- Tổng Công ty Viễn thông Viettel	14.473.305.000	20.374.200.000
- Công ty TNHH TM và Vận tải Tuấn Thuận Phát Vitel	-	11.940.500.000
- Chi nhánh Công ty cổ phần Viễn thông FPT	23.206.849.160	22.025.467.640
- Công ty TNHH Viễn thông Vạn Phú	-	14.551.938.396
- Công ty cổ phần Năng lượng Xanh Phúc Lâm	-	11.377.514.745
- Các khách hàng khác	22.483.666.700	50.695.972.105
<i>b) Phải thu khách hàng là bên liên quan</i>	30.838.672.957	37.274.995.309
- Chi tiết tại thuyết minh số VIII.2	30.838.672.957	37.274.995.309
Cộng	107.722.503.817	184.960.598.195
5. Trả trước cho người bán		
<i>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn là bên thứ ba</i>	50.277.464.300	23.689.891.249
- Từ Thị Hồng Thanh	45.000.000.000	-
- Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Toàn Thịnh	-	10.050.000.000
- Công ty cổ phần Năng lượng Xanh Phúc Lâm	-	6.000.000.000
- Các khách hàng khác	5.277.464.300	7.639.891.249
<i>b) Trả trước cho người bán ngắn hạn là bên liên quan</i>	-	65.840.924.000
- Chi tiết tại thuyết minh số VIII.2	-	65.840.924.000
Cộng	50.277.464.300	89.530.815.249
<p>Trả trước cho Bà Từ Thị Hồng Thanh để mua lại cổ phần tại Công ty cổ phần Golden Paddy theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2021/HĐCNCNCP ngày 10/9/2021. Tại ngày 30/6/2022, khoản trả trước nêu trên đã quá hạn thanh toán và Công ty đã trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi. (Xem thuyết minh số V.9)</p>		
6. Phải thu về cho vay ngắn hạn		
<i>a) Phải thu về cho vay ngắn hạn là bên thứ ba</i>	2.000.000.000	-
- Nguyễn Thị Thu Thảo	2.000.000.000	-
<i>b) Phải thu về cho vay ngắn hạn là bên liên quan</i>	500.000.000	-
- Chi tiết tại thuyết minh số VIII.2	500.000.000	-
Cộng	2.500.000.000	-

7. Phải thu khác	30/6/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn khác	40.060.963.638		93.956.288.657	
<i>Phải thu ngắn hạn khác là bên thứ ba</i>	<i>40.060.963.638</i>		<i>93.717.714.690</i>	
- Phải thu về lãi cho vay	80.991.780		-	
- Thuế GTGT của tài sản cố định thuê tài chính	991.727.271		-	
- Tạm ứng	1.145.285.159		93.557.427.650	
- Ký quỹ, ký cược	7.664.026.907		110.064.862	
- Phải thu khác	30.178.932.521		50.222.178	
<i>Phải thu ngắn hạn khác là bên liên quan</i>			<i>238.573.967</i>	
- Chi tiết tại thuyết minh số VIII.2			238.573.967	
b) Phải thu dài hạn khác	8.234.050.743		7.631.196.057	
- Ký cược, ký quỹ	8.234.050.743		7.631.196.057	
Cộng	48.295.014.381		101.587.484.714	

Tạm ứng cho nhân viên trong đó thể hiện:

- (i) Khoản tạm ứng cho Bà Từ Thị Hồng Thanh với tổng số tiền tại ngày 01/01/2022 là 43.190.000.000 đồng để đi mua bất động sản mục tiêu tại Ấp An Hòa, Xã An Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang. Năm 2022, Bà Từ Thị Hồng Thanh đã nghỉ việc ở Công ty, đồng thời cũng không còn là cổ đông của Công ty, Công ty đã phân loại khoản tạm ứng của Bà Từ Thị Hồng Thanh sang khoản phải thu khác với số dư còn phải thu tại ngày 30/6/2022 là 30.115.000.000 đồng. Tại ngày 30/6/2022, khoản phải thu này đã quá hạn thanh toán và Công ty đã trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi. (Xem thuyết minh số V.9)
- (ii) Khoản tạm ứng cho Bà Mai Thị Kim Phượng với tổng số tiền tại ngày 01/01/2022 là 49.000.000.000 đồng để đi mua bất động sản mục tiêu tại Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong kỳ, các giao dịch về mua bất động sản mục tiêu không thực hiện được và Bà Mai Thị Kim Phượng đã hoàn trả toàn bộ số tiền đã tạm ứng nêu trên cho Công ty.

8. Hàng tồn kho	30/6/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	38.328.593.713	(92.219.288)	25.781.650.133	(92.219.288)
- Công cụ, dụng cụ	266.409.316	-	253.964.259	-
- Chi phí SX kinh doanh dở dang	29.082.905.663	-	20.603.719.687	-
- Thành phẩm	12.155.481.907	-	7.323.626.872	-
- Hàng hóa	40.555.384.492	(1.642.865.846)	42.573.620.351	(100.967.301)
- Hàng gửi bán	3.399.679.440	-	1.564.387.707	-
Cộng	123.788.454.531	(1.735.085.134)	98.100.969.009	(193.186.589)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOUIS CAPITAL

Số 07-09, Đường số 07, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông

Thành phố Thủ Đức - Tp Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/6/2022		Đơn vị tính: đồng 01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá trị dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	21.412.862.987	12.964.007.000	(8.448.855.987)	(2.942.852.987)
Công ty TNHH Ferino	1.800.000.000	1.260.000.000	(540.000.000)	-
Công ty TNHH TM DV XNK Gia Thành	11.272.000.000	7.890.400.000	(3.381.600.000)	-
Công ty TNHH TM Trọng Thị	5.448.010.000	3.813.607.000	(1.634.403.000)	-
Các khách hàng khác	2.892.852.987	-	(2.892.852.987)	(2.942.852.987)
b) Trả trước cho người bán	46.129.653.001	31.673.895.900	(14.455.757.101)	(209.895.900)
Từ Thị Hồng Thanh	45.000.000.000	31.500.000.000	(13.500.000.000)	-
Chi nhánh Tổng Công ty ACC - Xi nghiệp tư vấn thiết kế và xây dựng ACC	430.000.000	129.000.000	(301.000.000)	-
Công ty TNHH Kiến trúc và chuyển giao công nghệ Hà Nội	550.000.001	-	(550.000.001)	(165.000.000)
Công ty cổ phần Đầu tư và Tư vấn Phương Bắc - Chi nhánh Phú Thọ	66.653.000	19.995.900	(46.657.100)	(19.995.900)
Trung tâm tư vấn và phát triển lâm nghiệp	50.000.000	15.000.000	(35.000.000)	(15.000.000)
Công ty cổ phần Kiến trúc và Xây dựng AU	33.000.000	9.900.000	(23.100.000)	(9.900.000)
c) Phải thu ngắn hạn khác	30.115.000.000	21.080.500.000	(9.034.500.000)	-
Từ Thị Hồng Thanh	30.115.000.000	21.080.500.000	(9.034.500.000)	-
Cộng	97.657.515.988	65.718.402.900	(31.939.113.088)	(3.152.748.887)

Ban Tổng Giám đốc Công ty trích lập dự phòng cho các khoản công nợ phải thu ngắn hạn khó đòi dựa trên những đánh giá về tình hình tài chính thực tế và khả năng thu hồi nợ từ các đối tượng nợ. Giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOUIS CAPITAL

Số 07-09, Đường số 07, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông

Thành phố Thủ Đức - Tp Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HIN

Theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà xưởng vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Đơn vị tính: đồng
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu kỳ	19.725.100.597	88.535.921.408	23.957.593.637	1.479.367.500	133.697.983.142
Số tăng trong kỳ	3.909.090.909	7.225.496.070	10.246.263.636	-	21.380.850.615
- <i>Mua trong kỳ</i>	-	1.913.918.537	10.246.263.636	-	12.160.182.173
- <i>Xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	3.909.090.909	5.311.577.533	-	-	9.220.668.442
Số giảm trong kỳ	-	10.335.023.609	928.415.455	-	11.263.439.064
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	10.335.023.609	928.415.455	-	11.263.439.064
Số dư cuối kỳ	23.634.191.506	85.426.393.869	33.275.441.818	1.479.367.500	143.815.394.693
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	11.105.015.171	47.739.352.599	4.257.890.450	126.680.247	63.228.938.467
Số tăng trong kỳ	719.493.535	2.801.842.237	1.595.119.666	233.669.592	5.350.125.030
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	719.493.535	2.801.842.237	1.595.119.666	233.669.592	5.350.125.030
Số giảm trong kỳ	-	9.477.289.496	928.415.455	-	10.405.704.951
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	9.477.289.496	928.415.455	-	10.405.704.951
Số dư cuối kỳ	11.824.508.706	41.063.905.340	4.924.594.661	360.349.839	58.173.358.546
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	8.620.085.426	40.796.568.809	19.699.703.187	1.352.687.253	70.469.044.675
Tại ngày cuối kỳ	11.809.682.800	44.362.488.529	28.350.847.157	1.119.017.661	85.642.036.147

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 30/6/2022 là 56.169.111.580 đồng (tại ngày 01/01/2022 là 2.690.377.113 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay tại ngân hàng.

Trong đó: Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 30/6/2022 là 27.384.040.180 đồng (tại ngày 01/01/2022 là 0 đồng) để đảm bảo cho các hợp đồng hạn mức vay, bảo lãnh với Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Phú Nhuận cho bên thứ 3 là Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice. Ngày 19/5/2022, Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội đã có thông báo số 2071/2022/TB-SHB về việc thu giữ và xử lý tài sản đảm bảo của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty vẫn chưa thực hiện bán giao một số tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội theo thông báo nêu trên.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng của Công ty tại ngày 30/6/2022 là 34.799.844.349 đồng (tại ngày 01/01/2022 là 41.003.599.058 đồng).

Ngày 12/8/2022, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sametel (là Công ty con của Công ty) đã ban hành Nghị quyết số 57/2022/QĐ-HĐQT thống nhất nhượng bán một số tài sản cố định hữu hình là hệ thống điện năng lượng mặt trời lắp đặt trên mái nhà xưởng với nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 30/6/2022 lần lượt là 27.126.282.859 đồng và 23.550.258.376 đồng. Giá bán tài sản không thấp hơn nguyên giá tài sản. Theo đánh giá của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty thì việc bán các tài sản này sẽ không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, việc nhượng bán tài sản nêu trên vẫn đang thực hiện.

11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Cộng
Nguyên giá TSCĐ		
Số dư đầu kỳ	-	-
Số tăng trong kỳ	17.066.355.316	17.066.355.316
- Thuê tài chính trong kỳ	17.066.355.316	17.066.355.316
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	17.066.355.316	17.066.355.316
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	-	-
Số tăng trong kỳ	1.305.609.162	1.305.609.162
- Khấu hao trong kỳ	1.305.609.162	1.305.609.162
Số dư cuối kỳ	1.305.609.162	1.305.609.162
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	-	-
Tại ngày cuối kỳ	15.760.746.154	15.760.746.154

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm	Cộng
Nguyên giá TSCĐ				
Số dư đầu kỳ	65.461.580.464	711.158.600	84.949.500	66.257.688.564
Số tăng trong kỳ	78.390.000.000	-	-	78.390.000.000
- Mua trong kỳ	78.390.000.000	-	-	78.390.000.000
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	143.851.580.464	711.158.600	84.949.500	144.647.688.564
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	1.829.655.271	510.562.960	84.949.500	2.425.167.731
Số tăng trong kỳ	290.276.321	74.996.332	-	365.272.653
- Khấu hao trong kỳ	290.276.321	74.996.332	-	365.272.653
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2.119.931.592	585.559.292	84.949.500	2.790.440.384
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu kỳ	63.631.925.193	200.595.640	-	63.832.520.833
Tại ngày cuối kỳ	141.731.648.872	125.599.308	-	141.857.248.180

Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định vô hình với giá trị còn lại tại ngày 30/6/2022 là 62.993.648.872 đồng (tại ngày 01/01/2022 là 63.631.925.193 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay tại ngân hàng.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng của Công ty tại ngày 30/6/2022 là 615.245.100 đồng (tại ngày 01/01/2022 là 174.875.100 đồng).

Ngày 09/8/2022, Đại hội cổ đông Công ty cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Louis AMC (là Công ty con của Công ty) đã ban hành Nghị quyết số 9/2022/AMC/ĐHĐCĐ-NQ thông qua việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại số 678 Kinh Dương Vương, Khu phố 1, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 30/6/2022 là 78.390.000.000 đồng. Giá chuyển nhượng theo giá trị đã được thẩm định nhưng không thấp hơn giá trị sổ kế toán tại thời điểm bán. Theo đánh giá của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty thì việc bán các tài sản này sẽ không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên vẫn đang thực hiện.

13. Tài sản dở dang dài hạn	30/6/2022	01/01/2022
<i>a) Xây dựng cơ bản dở dang</i>	36.563.130.816	39.098.159.501
- Dự án Trang trại chăn nuôi lợn theo hướng công nghiệp	30.923.548.620	30.923.548.620
- Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Ao Giời - Suối Tiên	2.962.160.782	2.962.160.782
- Dự án Solar City Angimex An Giang	2.677.421.414	732.132.035
- Dự án Hệ thống điện năng lượng mặt trời giai đoạn 4	-	571.227.155
- Nhà máy Gạo Golden Paddy	-	3.909.090.909
Cộng	36.563.130.816	39.098.159.501

Dự án Trang trại chăn nuôi lợn theo hướng công nghiệp tại Xóm Phương Viên, Xã Tân Thành, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 25121000446 do Ủy ban nhân dân Tỉnh Hòa Bình chứng nhận ngày 13/5/2014. Theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thì tổng vốn đầu tư của dự án là 150 tỷ đồng, thời gian khai thác dự kiến là quý II/2016. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, dự án vẫn chưa thực hiện xong và đang tạm ngừng thi công. Công ty đang tiến hành các thủ tục để điều chỉnh quy mô, mục tiêu và tiến độ thực hiện dự án.

Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Ao Giời - Suối Tiên tại Tiểu khu 48, Xã Quân Khê, Huyện Hạ Hòa, Tỉnh Phú Thọ theo Quyết định chủ trương đầu tư số 2237/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Phú Thọ. Tổng mức đầu tư giai đoạn I (2017-2021) là 118,8 tỷ đồng, tổng mức đầu tư giai đoạn 2 (2021-2025) là 174,5 tỷ đồng. Đến thời điểm hiện tại, dự án vẫn đang được thực hiện.

14. Chi phí trả trước	30/6/2022	01/01/2022
<i>a) Ngắn hạn</i>	3.808.898.636	1.779.146.516
- Chi phí thuê mái nhà xưởng	114.914.137	112.206.220
- Công cụ dụng cụ	62.892.300	60.781.872
- Các khoản chi phí khác	3.631.092.199	1.606.158.424
<i>b) Dài hạn</i>	13.906.767.230	14.045.115.812
Chi phí thuê diện tích thương mại dịch vụ, văn phòng tòa nhà SME Hoàng Gia	12.467.532.459	12.638.306.268
- Công cụ dụng cụ	604.184.274	580.461.034
- Chi phí sửa chữa	471.241.331	372.727.971
- Các khoản chi phí khác	363.809.166	453.620.539
Cộng	17.715.665.866	15.824.262.328

Chi phí thuê diện tích thương mại dịch vụ, văn phòng tòa nhà SME Hoàng Gia theo Hợp đồng cho thuê số 01-T5(S1.S3)HĐCTMB/SME-HG ngày 20/6/2016 giữa Công ty cổ phần Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia và Công ty. Tổng diện tích thuê là 582,0m², thời hạn thuê từ tháng 6/2016 đến hết tháng 6/2058, tổng giá trị tiền thuê của hợp đồng là 16.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOUIS CAPITAL

Số 07-09, Đường số 07, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông

Thành phố Thủ Đức - Tp Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

15. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2022				Đơn vị tính: đồng 01/01/2022
	Giá trị/Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị/Giá gốc	
a) Đầu tư vào Công ty liên kết	89.384.476.895	-	-	86.220.719.015	-
- Công ty TNHH Angimex Furious (i)	89.384.476.895	-	-	86.220.719.015	-
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	10.000.000.000	-	-	11.792.000.000	-
- Công ty cổ phần Du lịch Ao Giời - Suối Tiên (ii)	-	-	-	1.792.000.000	-
- Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice (iii)	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000	-
Cộng	99.384.476.895	-	-	98.012.719.015	-

(i) Vốn điều lệ của Công ty TNHH Angimex Furious là 100.000.000.000 đồng, vốn góp của Công ty theo điều lệ là 49.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 49% vốn thực góp và chiếm tỷ lệ 49% quyền biểu quyết. Giá trị đầu tư vào Công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

(ii) Ngày 28/02/2022, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 179.200 cổ phần của Công ty cổ phần Du lịch Ao Giời - Suối Tiên theo phương thức thỏa thuận với giá trị chuyển nhượng là 1.792.000.000 đồng.

(iii) Vốn điều lệ của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice là 71.930.000.000 đồng, vốn góp của Công ty theo mệnh giá là 7.193.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 10% vốn thực góp và chiếm tỷ lệ 10% quyền biểu quyết.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào các Công ty chưa niêm yết.

16. Lợi thế thương mại	30/6/2022	01/01/2022
- Lợi thế thương mại đầu năm	15.146.397.000	-
- Lợi thế thương mại tăng trong năm	-	16.829.330.000
- Phân bổ lợi thế thương mại tăng trong năm	11.260.221.509	1.682.933.000
Số dư cuối năm	3.886.175.491	15.146.397.000

Giá trị lợi thế thương mại được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa giá phí đầu tư của Công ty và giá trị hợp lý của khoản đầu tư theo báo cáo tài chính của các Công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được phân bổ trong 10 năm và ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Trong kỳ, Công ty đã phân bổ toàn bộ giá trị lợi thế thương mại còn lại phát sinh từ việc mua Công ty con là Công ty cổ phần Sametel ở kỳ trước do Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá có sự tổn thất lợi thế thương mại tại Công ty con, giá trị thị trường của Công ty con bị sụt giảm, đồng thời Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ 2.800.100 cổ phần mà Công ty đã đầu tư tại Công ty cổ phần Sametel theo Nghị quyết số 15/2022/TGG/HĐQT-NQ ngày 20/6/2022 theo phương thức giao dịch thỏa thuận hoặc khớp lệnh trên sàn.

17. Phải trả người bán	30/6/2022	01/01/2022
<i>a) Phải trả người bán ngắn hạn là bên thứ ba</i>	<i>121.593.438.978</i>	<i>201.630.918.254</i>
- Công ty cổ phần Nông nghiệp công nghệ cao Trung An Kiên Giang	-	4.950.000.000
- Công ty cổ phần Golden Paddy SG	51.319.759.105	69.852.759.105
- Công ty TNHH Hyosung Việt Nam	-	17.146.639.969
- Công ty cổ phần Công nghệ Chấn Việt	1.356.514.556	12.950.564.000
- Công ty TNHH Hoàng Ngọc Tùng	7.743.672.298	12.158.260.457
- Các nhà cung cấp khác	61.173.493.019	84.572.694.723
<i>b) Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan</i>	<i>48.408.854.616</i>	<i>72.951.286.365</i>
- Chi tiết tại thuyết minh số VIII.2	48.408.854.616	72.951.286.365
Cộng	170.002.293.594	274.582.204.619

Tại ngày 01/01/2022 và 30/6/2022, Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

18. Người mua trả tiền trước	30/6/2022	01/01/2022
<i>a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn là bên thứ ba</i>	<i>1.420.291.878</i>	<i>3.881.554.649</i>
- Công ty cổ phần Dây và Cáp Sacom	-	1.868.460.000
- Các khách hàng khác	1.420.291.878	2.013.094.649
<i>b) Người mua trả tiền trước ngắn hạn là bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>14.131.924.882</i>
- Chi tiết tại thuyết minh số VIII.2	-	14.131.924.882
Cộng	1.420.291.878	18.013.479.531

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp/ bù trừ trong kỳ	30/6/2022
a) Phải nộp	12.128.515.664	5.253.971.204	17.148.104.002	234.382.866
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	2.438.074.756	484.339.575	2.873.282.192	49.132.139
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	2.311.956.496	2.311.956.496	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	5.682.575	5.682.575	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.441.591.451	91.913.358	9.464.361.410	69.143.399
- Thuế thu nhập cá nhân	248.849.457	840.102.490	972.844.619	116.107.328
- Các khoản phải nộp khác	-	1.519.976.710	1.519.976.710	-
Cộng	12.128.515.664	5.253.971.204	17.148.104.002	234.382.866
b) Phải thu	-	-	15.999	15.999
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	15.999	15.999
Cộng	-	-	15.999	15.999

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

20. Chi phí phải trả

	30/6/2022	01/01/2022
a) Ngắn hạn	1.735.162.669	531.820.636
- Chi phí lãi vay	1.410.866.373	62.152.745
- Chi phí khác	324.296.296	469.667.891
Cộng	1.735.162.669	531.820.636

21. Phải trả khác

	30/6/2022	01/01/2022
a) Ngắn hạn	5.737.317.791	7.547.046.278
- Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	1.182.672.264	633.394.981
- UBND Tỉnh Hòa Bình hỗ trợ	2.100.000.000	2.100.000.000
- Cổ tức phải trả	1.539.737.737	1.546.903.237
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	914.907.790	3.266.748.060
b) Dài hạn	6.157.800.000	6.153.000.000
- Tiền hợp tác đầu tư Khu du lịch nghỉ dưỡng Ao Giời - Suối Tiên	6.153.000.000	6.153.000.000
- Nhận ký cược, ký quỹ	4.800.000	-
Cộng	11.895.117.791	13.700.046.278

UBND Tỉnh Hòa Bình hỗ trợ cho Công ty để thực hiện dự án Trang trại chăn nuôi lợn theo hướng công nghiệp tại Xóm Phương Viên, Xã Tân Thành, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình. (Xem thuyết minh số V.13)

Tiền hợp tác đầu tư Khu du lịch nghỉ dưỡng Ao Giời - Suối Tiên nhận của các cá nhân theo các hợp đồng hợp tác đầu tư để cùng thực hiện dự án. (Xem thuyết minh số V.13)

22. Vay và nợ thuê tài chính	30/6/2022		01/01/2022	
	Số có khả năng trả nợ	Trong kỳ Tăng	Giảm	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	124.269.246.207	230.515.681.705	181.369.284.109	75.122.848.611
- Vay ngân hàng (i)	119.451.925.159	112.858.337.676	67.445.527.134	74.039.114.617
- Vay Công ty chứng khoán	-	68.690.022.981	68.690.022.981	-
- Vay Công ty cổ phần Louis Holdings	-	39.150.000.000	39.150.000.000	-
- Vay cá nhân	2.000.000.000	7.000.000.000	5.000.000.000	-
- Vay dài hạn đến hạn trả	1.417.321.008	1.417.321.008	1.083.733.994	1.083.733.994
- Nợ thuê tài chính đến hạn trả	1.400.000.040	1.400.000.040	-	-
b) Dài hạn	23.086.610.003	14.398.418.921	7.724.061.017	16.412.252.099
- Vay dài hạn (ii)	13.577.610.083	-	2.834.642.016	16.412.252.099
- Nợ thuê tài chính (iii)	9.508.999.920	14.398.418.921	4.889.419.001	-

(i) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

	30/6/2022	01/01/2022
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Phú Nhuận	36.576.136.486	37.289.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	44.934.113.551	35.361.264.317
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Gia Định	609.093.802	1.388.850.300
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch	28.965.781.200	-
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn	8.366.800.120	-
Cộng	119.451.925.159	74.039.114.617

- Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Phú Nhuận theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 57/2021/HĐHM-PN/SHB.130111 ngày 24/5/2021, giá trị hạn mức tín dụng là 40 tỷ đồng, mục đích để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng, lãi suất được quy định cụ thể tại từng khế ước nhận nợ. Tài sản thế chấp là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (Trình bày ở thuyết minh số V.12). Đến ngày 30/6/2022, hợp đồng cấp hạn mức tín dụng nêu trên đã quá thời hạn thanh toán, Công ty đang làm các thủ tục để xin tái cơ cấu gia hạn thời gian trả nợ với ngân hàng.
- Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng số 0292/SGN.KHDN/LD21 ngày 05/10/2021, giá trị hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng, mục đích để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng, lãi suất được quy định cụ thể tại từng khế ước nhận nợ. Tài sản thế chấp được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp.
- Vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Gia Định theo hợp đồng tín dụng số 28144.21.220.1470256.TD ngày 14/9/2021, giá trị hạn mức tín dụng là 25 tỷ đồng, mục đích để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, thời hạn cấp hạn mức đến ngày 06/5/2022, lãi suất được quy định cụ thể tại từng khế ước nhận nợ. Tài sản thế chấp được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp.
- Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch theo hợp đồng tín dụng số 001/2022-HĐCVHM/NHCT681-SAMETEL ngày 18/02/2022, giá trị hạn mức tín dụng là 40 tỷ đồng, mục đích để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, thời hạn cấp hạn mức đến ngày 18/02/2023, lãi suất được quy định cụ thể tại từng khế ước nhận nợ. Tài sản thế chấp được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp.
- Vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn theo hợp đồng tín dụng số CLN2021200461/HĐCTD ngày 17/8/2021, giá trị hạn mức tín dụng là 40 tỷ đồng, mục đích để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, thời hạn cấp hạn mức đến ngày 17/8/2022, lãi suất được quy định cụ thể tại từng khế ước nhận nợ. Tài sản thế chấp được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp.

Vay Công ty chứng khoán thể hiện khoản ứng trước tiền bán chứng khoán kinh doanh trong kỳ tại Công ty cổ phần chứng khoán APG, phí ứng trước tiền bán chứng khoán theo quy định của Công ty chứng khoán tại thời điểm thực hiện ứng.

22. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Vay Công ty cổ phần Louis Holdings theo các hợp đồng vay vốn ngắn hạn, mục đích vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất vay 9%/năm, hình thức vay tín chấp.

Vay cá nhân theo các hợp đồng vay vốn ngắn hạn, mục đích vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất vay 12%/năm, hình thức vay tín chấp.

(ii) Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

	30/6/2022	01/01/2022
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	14.994.931.091	17.495.986.093
Cộng	14.994.931.091	17.495.986.093
Trong đó:		
+ Số phải trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh số V.22a)	1.417.321.008	1.083.733.994
+ Số phải trả sau 12 tháng (Thuyết minh số V.22b)	13.577.610.083	16.412.252.099

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 47/2020/HĐTD/NOH/02 ngày 28/9/2020, hạn mức cho vay là 9 tỷ đồng, mục đích vay để đầu tư dự án điện mặt trời áp mái 1MW. Thời hạn cho vay là 84 tháng. Lãi suất vay theo thông báo của ngân hàng. Tài sản thế chấp được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp. Số dư nợ gốc vay tại ngày 30/6/2022 là 7.100.731.091 đồng.
- Hợp đồng tín dụng số 31/2021/HĐTD/NOH/01 ngày 22/01/2021, số tiền cho vay là 928.800.000 đồng, mục đích vay để mua xe ô tô. Thời hạn cho vay là 36 tháng. Lãi suất vay theo thông báo của ngân hàng. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ gốc vay tại ngày 30/6/2022 là 490.200.000 đồng.
- Hợp đồng tín dụng số 47/2021/HĐTD/NOH/03 ngày 11/5/2021, hạn mức cho vay là 9 tỷ đồng, mục đích vay để đầu tư dự án điện mặt trời áp mái 1MW. Thời hạn cho vay là 84 tháng. Lãi suất vay theo thông báo của ngân hàng. Tài sản thế chấp được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp. Số dư nợ gốc vay tại ngày 30/6/2022 là 7.404.000.000 đồng.

(iii) Chi tiết các khoản nợ thuê tài chính như sau:

	30/6/2022	01/01/2022
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	10.908.999.960	-
Cộng	10.908.999.960	-
Trong đó:		
+ Số phải trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh số V.22a)	1.400.000.040	-
+ Số phải trả sau 12 tháng (Thuyết minh số V.22b)	9.508.999.920	-

Khoản nợ thuê tài chính tại ngày 30/6/2022 thể hiện khoản thuê tài chính từ Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh. Mục đích thuê để nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh. Lãi suất và thời hạn thuê theo từng hợp đồng thuê tài chính cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOUIS CAPITAL

Số 07-09, Đường số 07, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông

Thành phố Thủ Đức - Tp Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

23. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	272.999.900.000	-	2.889.093.455	(34.468.855.952)	-	241.420.137.503
- Lãi trong năm trước	-	-	-	91.153.208.125	7.344.919.131	98.498.127.256
- Trích lập quỹ trong năm trước	-	-	194.286.081	(450.356.938)	185.073.919	(70.996.938)
- Tăng/giảm do mua Công ty con	-	1.954.394.241	3.354.353.200	(3.356.143.586)	79.522.995.970	81.475.599.825
- Giảm khác	-	-	-	(706.536.512)	-	(706.536.512)
Số dư đầu năm nay	272.999.900.000	1.954.394.241	6.437.732.736	52.171.315.137	87.052.989.020	420.616.331.134
- Tăng do góp vốn	-	-	-	-	7.500.000.000	7.500.000.000
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	(18.179.835.483)	(12.048.095.688)	(30.227.931.171)
- Tăng/giảm khác	-	-	-	(933.993.047)	933.993.047	-
Số dư cuối năm nay	272.999.900.000	1.954.394.241	6.437.732.736	33.057.486.607	83.438.886.379	397.888.399.963

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Công ty không thực hiện phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận sau thuế của năm 2021.

Số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ ("Mã số 421") của Công ty tại ngày 01/01/2022 có một phần lợi nhuận đến từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 liên quan đến cổ phiếu của Công ty cổ phần Louis Land (trước đây là Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư) (mã chứng khoán BII) và một số cổ phiếu khác. Ngày 20/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra (C03) Bộ Công an đã ra quyết định khởi tố vụ án "Thao túng thị trường chứng khoán" xảy ra tại Công ty cổ phần chứng khoán Trí Việt (TVB), Công ty cổ phần Louis Holdings, Công ty cổ phần Louis Capital, Công ty cổ phần Louis Land và các đơn vị liên quan; đồng thời, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã ra quyết định khởi tố bị can, lệnh bắt bị can để tạm giam, lệnh khám xét đối với 04 cá nhân về tội "Thao túng thị trường chứng khoán", trong đó có Ông Đỗ Thành Nhân (Nguyên là thành viên Hội đồng quản trị Công ty). Đến thời điểm phát hành báo cáo này, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định cuối cùng về vụ án nêu trên.

23. **Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

b) *Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu*

	30/6/2022		01/01/2022	
	Giá trị	%	Giá trị	%
- Vốn góp của các cổ đông	272.999.900.000	100,0%	272.999.900.000	100,0%
Cộng	272.999.900.000	100,0%	272.999.900.000	100,0%

c) *Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức*

	Kỳ này	Kỳ trước
+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	272.999.900.000	272.999.900.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	272.999.900.000	272.999.900.000
+ Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) *Cổ phiếu*

	30/6/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.299.990	27.299.990
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.299.990	27.299.990
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.299.990	27.299.990
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.299.990	27.299.990
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.299.990	27.299.990
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu		

VI. **THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Đơn vị tính: đồng	
	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	3.909.090.909
- Doanh thu bán hàng hóa	349.314.282.411	13.893.728.815
- Doanh thu bán thành phẩm	100.640.062.409	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	57.039.563.882	59.865.000
Cộng	506.993.908.702	17.862.684.724
2. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn hợp đồng xây dựng	-	3.636.363.636
- Giá vốn bán hàng hóa	347.442.923.904	13.773.964.043
- Giá vốn bán thành phẩm	86.341.029.464	-
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	53.070.218.619	55.934.904
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.541.898.545	-
Cộng	488.396.070.532	17.466.262.583

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	887.019.812	95.399
- Lãi chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh	22.404.480.000	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá	6.555.035	-
- Lãi chậm thanh toán, chiết khấu thanh toán	70.810.853	174.061.242
Cộng	23.368.865.700	174.156.641
4. Chi phí tài chính		
- Lãi tiền vay	5.404.360.964	30.438.632
- Phí mua bán chứng khoán kinh doanh	157.946.951	-
- Lỗ chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh	1.103.861.000	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	538.742.613	-
- Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	337.766.925	-
Cộng	7.542.678.453	30.438.632
5. Chi phí bán hàng		
- Chi phí nhân viên	2.852.162.819	-
- Chi phí vật liệu, bao bì	5.804.038.756	-
- Chi phí khác	4.520.294.462	-
Cộng	13.176.496.037	-
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên	5.954.432.047	174.713.165
- Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	28.786.364.201	(43.160.257.861)
- Phân bổ lợi thế thương mại	11.260.221.509	-
- Chi phí khác	8.379.510.736	560.727.267
Cộng	54.380.528.493	(42.424.817.429)
7. Thu nhập khác		
- Thu thanh lý tài sản cố định	240.993.266	-
- Thu nhập khác	63.959.676	27
Cộng	304.952.942	27
8. Chi phí khác		
- Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	378.817.672
- Chi phí khác	467.837.322	273.404.524
Cộng	467.837.322	652.222.196

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	91.913.358	-
Cộng	91.913.358	-
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(18.179.835.483)	42.312.735.410
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tạm tính/thực tế	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(18.179.835.483)	42.312.735.410
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	27.299.990	27.299.990
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(666)	1.550
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(666)	1.550
<p>Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Công ty không thực hiện phân phối lợi nhuận cho quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2021. Hiện tại, Công ty cũng chưa có kế hoạch phân phối lợi nhuận cho quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2022. Do đó, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu, lãi suy giảm trên cổ phiếu chưa tính giảm trừ số ước tính sẽ trích cho quỹ khen thưởng, phúc lợi.</p>		
11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	96.267.993.725	-
- Chi phí nhân công	16.113.000.058	174.713.165
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.021.006.845	152.943.336
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	28.786.364.201	(43.160.257.861)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.487.419.618	425.671.333
- Chi phí khác bằng tiền	2.192.098.960	38.047.502
Cộng	211.867.883.407	(42.368.882.525)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BC LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

- Tiền lãi vay đã trả trong kỳ không bao gồm số tiền tại ngày 30/6/2022 là 1.410.866.373 đồng (tại ngày 01/01/2022 là 62.152.745 đồng), là chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên mục tăng giảm các khoản phải trả.
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong kỳ không bao gồm số tiền tại ngày 30/6/2022 là 32.300.000.000 đồng (tại ngày 01/01/2022 là 64.800.000.000 đồng), là tiền chi trả nợ để mua công cụ vốn từ kỳ trước. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên mục tăng giảm các khoản phải trả.
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ không bao gồm số tiền tại ngày 30/6/2022 là 80.991.780 đồng (tại ngày 01/01/2022 là 238.573.967 đồng), là tiền lãi cho vay và cổ tức phải thu nhưng chưa nhận được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên mục tăng giảm các khoản phải thu.
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong kỳ không bao gồm số tiền tại ngày 30/6/2022 là 1.539.737.737 đồng (tại ngày 01/01/2022 là 1.546.903.237 đồng), là tiền cổ tức phải trả nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên mục tăng giảm các khoản phải trả.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

- Ngày 14/7/2022, Công ty đã nhận được các đơn xin từ nhiệm các vị trí Trưởng Ban kiểm soát của Bà Nguyễn Thị Kiều Liên; từ nhiệm vị trí Thành viên Ban kiểm soát của Ông Hồ Lê Hoàng Anh; từ nhiệm vị trí Thành viên Ban kiểm soát của Ông Phạm Minh Vương; từ nhiệm vị trí Trưởng Ban kiểm toán nội bộ của Bà Phạm Thu Thảo.
- Ngày 22/7/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quyết nghị số 21/2022/TGG/HĐQT-NQ thông qua việc bầu Ông Vũ Anh Sinh giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty và miễn nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với Ông Nguyễn Mai Long.
- Ngày 22/7/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quyết nghị số 22/2022/TGG/HĐQT-NQ thông qua việc miễn nhiệm chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với Ông Trịnh Văn Bảo.
- Ngày 22/7/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quyết nghị số 23/2022/TGG/HĐQT-NQ thông qua việc bổ nhiệm Ông Võ Kim Nguyên giữ chức vụ Tổng Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Ngày 02/8/2022, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12.
- Ngày 22/7/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quyết nghị số 24/2022/TGG/HĐQT-NQ thông qua việc bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Trúc Linh giữ chức vụ Kế toán trưởng của Công ty.
- Ngày 27/7/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã nhận được đơn xin từ nhiệm vị trí Thành viên Hội đồng quản trị của Ông Nguyễn Mai Long kể từ ngày 20/7/2022.
- Ngày 27/7/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã nhận được đơn xin từ nhiệm vị trí Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Ông Cao Bá Trung kể từ ngày 21/7/2022.
- Ngày 29/7/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã nhận được đơn xin từ nhiệm vị trí Thành viên Hội đồng quản trị của Ông Ngô Thực Vũ kể từ ngày 28/7/2022.
- Ngày 09/8/2022, Đại hội cổ đông Công ty cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Louis AMC (là Công ty con của Công ty) đã ban hành Nghị quyết số 9/2022/AMC/ĐHĐCĐ-NQ thông qua việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại số 678 Kinh Dương Vương, Khu phố 1, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 30/6/2022 là 78.390.000.000 đồng. Giá chuyển nhượng theo giá trị đã được thẩm định nhưng không thấp hơn giá trị sổ kế toán tại thời điểm bán. Theo đánh giá của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty thì việc bán các tài sản này sẽ không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên vẫn đang thực hiện.
- Ngày 11/8/2022, Công ty đã gửi thông báo số 149/2022/TGG/TB đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Công ty cổ phần Sametel để công bố thông tin thực hiện đăng ký bán toàn bộ 2.800.100 cổ phần mà Công ty đã đầu tư tại Công ty cổ phần Sametel theo phương thức giao dịch thỏa thuận hoặc khớp lệnh trên sàn theo Nghị quyết số 15/2022/TGG/HĐQT-NQ ngày 20/6/2022 của Hội đồng quản trị.
- Ngày 12/8/2022, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sametel (là Công ty con của Công ty) đã ban hành Nghị quyết số 57/2022/QĐ-HĐQT thống nhất nhượng bán một số tài sản cố định hữu hình là hệ thống điện năng lượng mặt trời lắp đặt trên mái nhà xưởng với nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 30/6/2022 lần lượt là 27.126.282.859 đồng và 23.550.258.376 đồng. Giá bán tài sản không thấp hơn nguyên giá tài sản. Theo đánh giá của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty thì việc bán các tài sản này sẽ không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, việc nhượng bán tài sản nêu trên vẫn đang thực hiện.

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa có kế hoạch tổ chức đại hội cổ đông bất thường để miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát đã xin từ nhiệm.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không còn sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Thông tin về các bên có mối quan hệ liên quan

Danh sách các bên có mối quan hệ liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty TNHH Angimex Furious	Công ty liên kết
- Công ty cổ phần Đầu tư phát triển 299	Nguyên là Công ty liên kết
- Công ty cổ phần Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia	Nguyên Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt
- Công ty cổ phần Dược Lâm Đồng	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt
- Công ty TNHH XNK Lương thực thực phẩm Thiên Vũ	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn
- Công ty cổ phần XNK An Giang	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn
- Công ty cổ phần Louis Land	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn
- Công ty cổ phần Louis Holdings	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn
- Công ty cổ phần VKC Holdings	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn
- Công ty TNHH MTV Louis Rice Long An	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn
- Công ty TNHH Lương thực Angimex	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn
- Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn
- Công ty TNHH MTV Louis Rice AG	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn
- Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn
- Công ty Xây dựng Trường Giang	Người có liên quan của thành viên lãnh đạo chủ chốt
- Ông Lê Quang Nhuận	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn
- Ông Vũ Ngọc Long	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn
- Ông Nguyễn Cảnh Dinh	Nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Bà Nguyễn Thị Đông	Nguyên Trưởng Ban kiểm soát
- Ông Phùng Văn Xuân	Nguyên Tổng Giám đốc
- Ông Vũ Anh Sinh	Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phó Tổng Giám đốc
- Ông Ngô Thục Vũ	Nguyên Tổng Giám đốc
- Bà Từ Thị Hồng Thanh	Nguyên Tổng Giám đốc Công ty con
- Bà Mai Thị Kim Phượng	Kế toán trưởng Công ty con
- Bà Võ Trịnh Ngân Giang	Giám đốc Công ty con
- Bà Ngô Thị Huyền	Người có liên quan của thành viên lãnh đạo chủ chốt
- Bà Phùng Vũ Tú Anh	Nguyên Kế toán trưởng

Các giao dịch chủ yếu với các bên có mối quan hệ liên quan như sau:

Đơn vị tính: đồng

Công ty cổ phần Đầu tư phát triển 299	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
	đến 30/6/2022	đến 30/6/2021
- Thu tiền bán hàng	-	7.297.475.898
Công ty cổ phần Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
	đến 30/6/2022	đến 30/6/2021
- Thu tiền bán hàng	-	5.370.607.985

2. Thông tin về các bên có mối quan hệ liên quan (tiếp theo)

Các giao dịch chủ yếu với các bên có mối quan hệ liên quan như sau:

Công ty cổ phần Dược Lâm Đồng

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
- Mua hàng	31.199.904	-
- Trả tiền mua hàng	46.156.588	-
- Doanh thu cho thuê xe ô tô, máy móc	1.419.292.928	-
- Thu tiền cho thuê xe ô tô, máy móc	540.000.000	-
- Trả tiền mua tài sản thanh lý	5.200.000.000	-
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.930.400	-
- Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.544.232	-

Công ty TNHH XNK Lương thực thực phẩm Thiên Vũ

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
- Thu tiền bán hàng	55.000.000	-
- Mua hàng hóa	37.140.988.000	-
- Trả tiền mua hàng hóa	16.300.000.000	-

Công ty cổ phần XNK An Giang

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
- Trả tiền mua vốn	32.500.000.000	-
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	129.372.246.374	-
- Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	127.143.092.624	-
- Mua hàng hóa	23.883.440.545	-
- Trả tiền mua hàng	24.945.254.000	-
- Bù trừ công nợ	8.278.934.505	-
- Thanh toán tiền mua hàng hóa	590.000.000	-

Công ty cổ phần Louis Land

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
- Chi phí thuê văn phòng	375.636.364	-
- Trả tiền thuê văn phòng	255.000.000	-
- Doanh thu cho thuê xe ô tô	98.787.880	-
- Thu tiền cho thuê xe ô tô	97.800.003	-

Công ty cổ phần Louis Holdings

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
- Vay tiền	39.150.000.000	-
- Trả tiền vay	39.150.000.000	-
- Chi phí lãi tiền vay	276.016.439	-
- Trả lãi tiền vay	276.016.439	-
- Bán cổ phần	68.900.000.000	-
- Thu tiền bán cổ phần	68.900.000.000	-
- Mua dịch vụ	3.000.000.000	-
- Trả tiền mua dịch vụ	3.300.000.000	-
- Doanh thu cho thuê xe ô tô	716.363.636	-
- Thu tiền cho thuê xe ô tô	910.000.000	-

2. Thông tin về các bên có mối quan hệ liên quan (tiếp theo)

Các giao dịch chủ yếu với các bên có mối quan hệ liên quan như sau:

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
Công ty Xây dựng Trường Giang		
- Thu tiền bán hàng	-	13.444.475.296
- Phải thu lãi chậm thanh toán	-	174.061.242
- Thu biên bán cổ phần	-	44.572.500.000
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	97.129.531.803	-
- Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	78.145.401.180	-
- Thu tiền cổ tức được chia	238.573.967	-
- Cho vay	6.300.000.000	-
- Thu lại tiền cho vay	5.800.000.000	-
- Tiền lãi cho vay	45.073.972	-
- Thu tiền lãi cho vay	16.027.397	-
Công ty TNHH MTV Louis Rice Long An		
- Mua hàng	1.603.350.000	-
- Trả tiền mua hàng	1.603.350.000	-
- Thu tiền bán hàng	370.000.000	-
Công ty TNHH Lương thực Angimex		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.283.161.820	-
- Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.455.831.426	-
- Mua hàng	14.652.628.690	-
- Trả tiền mua hàng	13.578.315.235	-
- Cấn trừ công nợ	1.074.313.455	-
Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex		
- Mua hàng hóa	44.702.860.780	-
- Bù trừ công nợ	6.591.121.050	-
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	257.619.203	-
- Trả tiền mua hàng	23.199.999.999	-
Công ty TNHH MTV Louis Rice AG		
- Mua hàng hóa	1.881.000.000	-

2. Thông tin về các bên có mối quan hệ liên quan (tiếp theo)

Các giao dịch chủ yếu với các bên có mối quan hệ liên quan như sau:

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
Công ty cổ phần VKC Holdings		
- Mua hàng hóa	63.033.334.697	-
- Doanh thu bán hàng	3.574.730.646	-
Ông Lê Quang Nhuận		
- Đặt cọc mua văn phòng	-	45.000.000.000
- Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất	78.000.000.000	-
- Trả tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất	78.000.000.000	-
Ông Nguyễn Cảnh Dinh		
- Tạm ứng	-	6.150.001.000
- Thu hồi tạm ứng	-	895.839.400
- Thu hồi công nợ	-	5.275.378.500
Bà Nguyễn Thị Đông		
- Tạm ứng	-	10.981.750.000
- Thu hồi tạm ứng	-	11.319.819.193
- Trả hộ công nợ phải thu cho các khách hàng	-	60.270.890.247
Ông Phùng Văn Xuân		
- Thu hồi tạm ứng	-	1.500.000.000
Ông Vũ Anh Sinh		
- Tạm ứng	31.362.983.561	-
- Thu hồi tạm ứng	31.362.983.561	-
- Cho vay	445.000.000	-
- Thu lại tiền cho vay	445.000.000	-
- Tiền lãi cho vay	877.808	-
- Thu tiền lãi cho vay	877.808	-
Bà Ngô Thị Huyền		
- Phải thu về tiền chuyển nhượng cổ phần	-	10.000.000.000
- Thu về tiền bán cổ phần Tân Vinh	-	10.000.000.000
- Phải thu tiền hợp tác kinh doanh	-	594.000.000

2. Thông tin về các bên có mối quan hệ liên quan (tiếp theo)

Các giao dịch chủ yếu với các bên có mối quan hệ liên quan như sau:

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
Bà Phùng Vũ Tú Anh		
- Tạm ứng	220.000.000	-
- Thu hồi tạm ứng	220.000.000	-
Bà Từ Thị Hồng Thanh		
- Thu hồi tạm ứng	10.280.000.000	-
- Bù trừ công nợ	2.795.000.000	-
Bà Mai Thị Kim Phượng		
- Tạm ứng	125.000.000	-
- Thu hồi tạm ứng	49.825.000.000	-
Bà Võ Trịnh Ngân Giang		
- Hoàn tạm ứng	1.135.100.000	-

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
Ông Nguyễn Mai Long	Chủ tịch Hội đồng quản trị	378.428.568	-
Ông Trịnh Văn Bào	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	215.487.334	-
Ông Ngô Thục Vũ	Tổng Giám đốc	592.973.142	-
Ông Vũ Anh Sinh	Phó Tổng Giám đốc	117.200.000	-
Ông Phùng Văn Xuân	Tổng Giám đốc	-	80.669.765
Bà Phùng Vũ Tú Anh	Kế toán trưởng	192.180.513	-
Cộng		1.496.269.557	80.669.765

Số dư chủ yếu với các bên có mối quan hệ liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2022	Đơn vị tính: đồng 01/01/2022
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
- Công ty TNHH XNK Lương thực thực phẩm Thiên Vũ	-	55.000.000
- Công ty TNHH MTV Louis Rice Long An	18.022.998.200	18.392.998.200
- Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice	7.431.594.049	-
- Công ty cổ phần Louis Holdings	16.000.000	142.000.000
- Công ty cổ phần Dược Lâm đồng	1.005.354.839	19.354.839
- Công ty cổ phần Louis Land	41.886.061	32.600.001
- Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	278.228.739	-
- Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	3.928.712.109	6.921.596.445
- Công ty TNHH Lương thực Angimex	113.898.960	79.598.420
- Công ty cổ phần VKC Holdings	-	11.631.847.404
Cộng	30.838.672.957	37.274.995.309

2. Thông tin về các bên có mối quan hệ liên quan (tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên có mối quan hệ liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2022	01/01/2022
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
- Bà Từ Thị Hồng Thanh	-	45.000.000.000
- Công ty TNHH XNK Lương thực thực phẩm Thiên Vũ	-	20.840.924.000
Cộng	-	65.840.924.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
- Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice	500.000.000	-
Cộng	500.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác		
- Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice	29.046.575	238.573.967
Cộng	29.046.575	238.573.967
Tạm ứng		
- Bà Từ Thị Hồng Thanh	-	43.190.000.000
- Bà Mai Thị Kim Phượng	-	49.000.000.000
- Bà Võ Trịnh Ngân Giang	-	1.135.100.000
Cộng	-	93.325.100.000
Phải trả người bán ngắn hạn		
- Công ty cổ phần Dược Lâm Đồng	1.949.654.042	6.842.286.365
- Công ty cổ phần XNK An Giang	32.300.000.000	64.800.000.000
- Công ty cổ phần Louis Land	277.200.000	119.000.000
- Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	-	1.190.000.000
- Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	7.080.792.231	-
- Công ty TNHH MTV Louis Rice AG	1.881.000.000	-
- Công ty cổ phần VKC Holdings	4.920.208.343	-
Cộng	48.408.854.616	72.951.286.365
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
- Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	-	1.049.190.000
- Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice	-	13.082.734.882
Cộng	-	14.131.924.882
Phải trả khác		
- Bà Từ Thị Hồng Thanh	-	2.795.000.000
- Bà Mai Thị Kim Phượng	700.000.000	-
Cộng	700.000.000	2.795.000.000

3. Báo cáo bộ phận

Đơn vị tính: đồng

a) Theo lĩnh vực kinh doanh

Từ 01/01/2022
đến 30/6/2022

Từ 01/01/2021
đến 30/6/2021

Hoạt động kinh doanh thương mại

- Doanh thu bán hàng hóa	349.314.282.411	13.893.728.815
- Giá vốn bán hàng hóa	347.442.923.904	13.773.964.043
- Lợi nhuận gộp về bán hàng hóa	1.871.358.507	119.764.772

Hoạt động khác

- Doanh thu hợp đồng xây dựng, bán thành phẩm và cung cấp dịch vụ	157.679.626.291	3.968.955.909
- Giá vốn hợp đồng xây dựng, bán thành phẩm và cung cấp dịch vụ	140.953.146.628	3.692.298.540
- Lợi nhuận gộp về hợp đồng xây dựng, bán thành phẩm và cung cấp dịch vụ	16.726.479.663	276.657.369

Tổng cộng

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	506.993.908.702	17.862.684.724
- Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	488.396.070.532	17.466.262.583
- Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng hóa	3.892.200	-
- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.593.945.970	396.422.141

b) Theo khu vực địa lý

Hiện tại, hoạt động của Công ty là kinh doanh trong các khu vực địa lý không có khác biệt lớn về điều kiện sản xuất kinh doanh. Do đó, không có Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý được trình bày.

4. Công cụ tài chính

Đơn vị tính: đồng

Tài sản tài chính

30/6/2022

01/01/2022

- Tiền và các khoản tương đương tiền	12.770.357.825	11.653.198.114
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	19.536.320.000	1.886.976.000
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	138.534.162.211	283.605.229.922
Cộng	170.840.840.036	297.145.404.036

Công nợ tài chính

30/6/2022

01/01/2022

- Phải trả người bán và phải trả khác	181.897.411.385	288.282.250.897
- Chi phí phải trả	1.735.162.669	531.820.636
- Các khoản vay và nợ thuê tài chính	147.355.856.210	91.535.100.710
Cộng	330.988.430.264	380.349.172.243

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ (USD). Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

4. Công cụ tài chính (tiếp theo)**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định các chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty. Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác có liên quan.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn nằm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2022	Dưới 01 năm	Trên 01 năm	Tổng cộng
Tài sản tài chính	162.606.789.293	8.234.050.743	170.840.840.036
- Tiền và các khoản tương đương tiền	12.770.357.825	-	12.770.357.825
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	19.536.320.000	-	19.536.320.000
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	130.300.111.468	8.234.050.743	138.534.162.211
Công nợ tài chính	301.744.020.261	29.244.410.003	330.988.430.264
- Phải trả người bán và phải trả khác	175.739.611.385	6.157.800.000	181.897.411.385
- Chi phí phải trả	1.735.162.669	-	1.735.162.669
- Các khoản vay và nợ thuê tài chính	124.269.246.207	23.086.610.003	147.355.856.210

4. Công cụ tài chính (tiếp theo)

01/01/2022	Dưới 01 năm	Trên 01 năm	Tổng cộng
Tài sản tài chính	289.514.207.979	7.631.196.057	297.145.404.036
- Tiền và các khoản tương đương tiền	11.653.198.114	-	11.653.198.114
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.886.976.000	-	1.886.976.000
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	275.974.033.865	7.631.196.057	283.605.229.922
Công nợ tài chính	357.783.920.144	22.565.252.099	380.349.172.243
- Phải trả người bán và phải trả khác	282.129.250.897	6.153.000.000	288.282.250.897
- Chi phí phải trả	531.820.636	-	531.820.636
- Các khoản vay và nợ thuê tài chính	75.122.848.611	16.412.252.099	91.535.100.710

Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

5. Thông tin so sánh

Số dư đầu kỳ trên bảng cân đối kế toán được lấy theo số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam. Số liệu so sánh phần kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ được lấy theo báo cáo tài chính tổng hợp từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt. Theo đó, dữ liệu tương ứng của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng không so sánh được với dữ liệu của kỳ kế toán hiện tại do kỳ trước chưa có Công ty con.

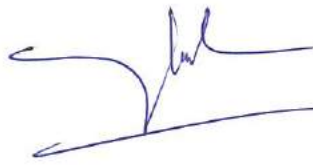
Tp Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Thị Trúc Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Trúc Linh

Tổng Giám đốc



Võ Kim Nguyên